TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số:05/2023/HNGĐ-ST Ngày: 28-3-2023 "V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà H' Gun Niê

2. Ông Vũ Kim Quy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/02/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1989, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1982, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày:*

Chị N và anh Nguyễn Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay chị N xét thấy không còn tình cảm với anh D nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị N được ly hôn anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị N và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Quế T, sinh ngày 20/02/2010 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/12/2015.

Hiện cháu T đang sống với chị N, còn cháu B đang sống cùng với anh D. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Quế T và đồng ý giao cháu Nguyễn Gia B cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Hiện chị N đang làm nghề buôn bán, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn* - Anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56; 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thuý N, cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Quế T, sinh ngày 20/02/2010 cho chị Nguyễn Thị Thuý N và giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/12/2015 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý N là tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Thuý N và anh Nguyễn Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/10/2014. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân giữa chị N và anh D phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được, năm 2021 chị N đã làm đơn xin ly hôn anh D nhưng sau đó đã rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, đến nay vợ chồng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng hơn. Qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp, quá trình chung sống giữa chị N và anh D thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Về phía anh D đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh D không có ý kiến phản đối gì.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thuý N và anh Nguyễn Văn D đã xảy ra kéo dài và ở mức trầm trọng nhưng vợ chồng vẫn không có biện pháp gì giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh D của chị N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị N và anh D có 02 con chung là Nguyễn Thị Quế T, sinh ngày 20/02/2010 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/12/2015. Chị N hiện nay làm kinh doanh buôn bán, anh D làm tài xế lái xe khách nên cả anh D và chị N có đủ điều kiện đảm bảo để nuôi các con chung; Hiện cháu T đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng còn cháu B do anh D trực tiếp nuôi dưỡng; nguyện vọng của hai cháu đều muốn được ở với chị Nga. Tuy nhiên, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các cháu nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị N, giao cháu Nguyễn Thị Quế T cho chị Nguyễn Thị Thuý N và giao cháu Nguyễn Gia B cho anh Nguyễn Văn D, tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào, là phù hợp theo quy định tại Điều 2; khoản 1, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có tài sản chung, công nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thuý N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ: Điều 2; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thuý N và anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung cháu Nguyễn Thị Quế T, sinh ngày 20/02/2010 cho chị Nguyễn Thị Thuý N và giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/12/2015 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

2.2 Chị Nguyễn Thị Thuý N và anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Đương sự xác định không có tài sản chung, công nợ nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thuý N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2021/0015117 ngày 19 tháng 7 năm 2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lương Thị Trúc